

Số: /TTr-TCLN-KL

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

**Ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT
ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản**

Kính gửi: Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Quyết định số 5254/QĐ-BNN-PC ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2022; Quyết định số 3334/QĐ-BNN-PC ngày 05/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy trình xây dựng, ban hành; kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa; hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Lâm nghiệp đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (sau đây viết tắt là dự thảo Thông tư).

Ngày 26/12/2022, Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo Bộ trưởng Lê Minh Hoan về việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản (Tờ trình số 2212/TTr-TCLN-KL). Thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng (bút phê tại Phiếu trình văn bản ngày 26/12/2022). Tổng cục Lâm nghiệp kính trình Thứ trưởng xem xét, ký ban hành dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản, với những nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở pháp lý

a) Luật Lâm nghiệp năm 2017:

- Khoản 3 Điều 38: “*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ và động vật rừng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.*”

- Khoản 5 Điều 42: “*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp, trình tự, thủ tục quản lý nguồn gốc lâm sản.*”

- Điểm c khoản 2 Điều 72: “*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ truy xuất nguồn gốc và đánh dấu mẫu vật các loài quy định tại điểm a và điểm b khoản này.*”

b) Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam:

- Khoản 4 và khoản 5 Điều 28 bãi bỏ quy định tại Điều 17 và Điều 26 tại Thông tư số 27 về hồ sơ lâm sản nhập khẩu và hồ sơ đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, sản phẩm gỗ khi xuất khẩu;

- Điểm d khoản 6 Điều 9, quy định thẩm quyền của Kiểm lâm xác nhận lô hàng gỗ xuất khẩu của chủ gỗ không phải là doanh nghiệp Nhóm I phải kiểm tra tối thiểu 20% lô hàng.

c) Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021:

- Khoản 5 Điều 40: “*5. Chế độ quản lý và nuôi các loài động vật hoang dã thuộc điểm đ khoản 29 Điều 3 Nghị định này được thực hiện như đối với loài động vật rừng thông thường.*”

- Điểm đ khoản 29 Điều 3: “*đ) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan công bố.*”

d) Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến xuất khẩu gỗ: Khoản 3 Điều 5 Quy định nhiệm vụ của cơ quan xác minh (Kiểm lâm cấp tỉnh) xác minh thông tin doanh nghiệp tự kê khai để phân loại doanh nghiệp.

đ) Thỏa thuận giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ hợp chủng quốc Hoa kỳ về khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp (Thỏa thuận): Điều 3 Thỏa thuận: “*1. Việt Nam phải đảm bảo rằng gỗ tịch thu không được đưa vào chuỗi cung ứng để xuất khẩu hoặc tiêu thụ với mục đích thương mại trong nước...*”

2. Cơ sở thực tiễn

- Trên cơ sở tổng kết, đánh giá quá trình triển khai thực hiện Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định về khai thác rừng trồng do tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn trồng thì chủ rừng, chủ lâm sản tự quyết định việc khai thác lâm sản, tự lập bảng kê lâm sản sau khai thác, không phải báo cáo hoặc thông báo cho cơ quan nhà nước, do vậy việc thống kê sản lượng khai thác gặp khó khăn, ảnh hưởng đến công tác theo dõi, cập nhật diễn biến rừng, tổng hợp số lượng gỗ khai thác của các cơ quan chuyên môn.

- Hiện nay, quy định đánh số hiệu đối với gỗ rừng trồng có đường kính đầu nhỏ từ 06 cm trở lên, chiều dài từ 01 mét trở lên khi lập Bảng kê lâm sản không phù hợp với tình hình thực tiễn và hoạt động mua bán, vận chuyển, chế biến. Quá trình khảo sát, đánh giá cho thấy, đối với gỗ rừng trồng có đường kính đầu nhỏ dưới 10 cm thì chủ gỗ sử dụng phương pháp cân để xác định khối lượng gỗ khi bán cho các cơ sở chế biến gỗ (sản xuất dăm gỗ, gỗ bóc).

- Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT, đã đơn giản hóa và bãi bỏ nhiều TTHC; cơ chế quản lý nhà nước về khai thác, vận chuyển, mua bán, kinh doanh, chế biến lâm sản thông thoáng, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Tuy nhiên, đối với một số loại gỗ rừng tự nhiên, gỗ sau xử lý tịch thu đã bị lợi dụng trong mua bán lâm sản để thực hiện gian lận trong khai thác, vận chuyển và cất giữ lâm sản.

- Quy định về điều kiện khai thác rừng trồng là rừng sản xuất do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu chưa phù hợp, không quy định khai thác phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Về quy định đánh dấu mẫu vật: Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định đánh dấu mẫu vật các loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; các loài thuộc các Phụ lục CITES; sản phẩm gỗ hoàn chỉnh khi mua bán để phục vụ truy xuất nguồn gốc. Tuy nhiên, chưa quy định, hướng dẫn cụ thể cách thức đánh dấu mẫu vật động vật sống, đặc biệt là các loài rắn, bò sát khác có kích thước nhỏ.....

Căn cứ quy định pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng và ban hành Thông tư về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản phù hợp với tình hình thực tiễn là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích

- Thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 38, khoản 5 Điều 42, điểm b khoản 2 Điều 58, khoản 2 Điều 59 và điểm c khoản 2 Điều 72 Luật Lâm nghiệp.

- Cụ thể hoá các quy định của pháp luật về Lâm nghiệp; Công ước CITES; Hiệp định VPA/FLEGT giữa Chính phủ Việt Nam và EU; thỏa thuận về kiểm soát gỗ bất hợp pháp giữa Chính phủ Việt Nam và Hoa Kỳ.

- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về Lâm nghiệp, khắc phục những khó khăn, vướng mắc và khoảng trống pháp luật chưa quy định.

2. Quan điểm

- Việc xây dựng Thông tư phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Các quy định của dự thảo Thông tư phải cụ thể, chi tiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đảm bảo tính khả thi, chặt chẽ, thuận tiện trong triển khai thực hiện.

- Kế thừa những nội dung phù hợp tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; giải quyết những khó khăn, tồn tại và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Tiếp tục thực hiện chủ trương chủ lâm sản tuân thủ pháp luật, tự kê khai và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự hợp pháp của lâm sản; gắn quyền, lợi ích hợp pháp và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp. Cơ quan nhà nước kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ pháp luật của chủ rừng, chủ lâm.

- Bảo đảm đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo điều kiện thông thoáng trong trồng rừng, khai thác, chế biến và thương mại lâm sản.

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình soạn thảo theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và hệ thống văn bản pháp luật có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản hướng dẫn, Tổng cục Lâm nghiệp đã triển khai những nội dung, cụ thể như sau:

1. Ban hành Kế hoạch xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT (Quyết định số 42/QĐ-TCLN-KL ngày 24/01/2022 Tổng cục Lâm nghiệp); thành lập Tổ biên tập xây dựng (Quyết định số 54/QĐ-TCLN-KL ngày 27/01/2022 về việc); tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT làm căn cứ đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung.

2. Gửi văn bản đề nghị các địa phương tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT và đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung (Văn bản số 47/KL-ĐT ngày 27/01/2022); hoàn thiện báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT (Báo cáo số 2105/BC-

TCLN-KL ngày 14/12/2022); báo cáo đánh giá tác động TTHC (Báo cáo số 2102/BC-TCLN-KL ngày 14/12/2022).

3. Trên cơ sở nghiên cứu và tổng hợp ý kiến đề xuất của các địa phương, khảo sát đánh giá tình hình thực hiện Thông tư, Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng và hoàn thiện dự thảo Thông tư.

4. Tổ chức các cuộc họp thành viên Tổ biên tập; tổ chức hội nghị tham vấn góp ý toàn quốc; 03 hội nghị vùng; lấy ý kiến một số chuyên gia tư vấn, Hiệp hội Gỗ và lâm sản Việt Nam để hoàn thiện dự thảo Thông tư.

5. Ngày 11/8/2022, Tổng cục Lâm nghiệp đã có Văn bản số 1242/TCLN-KL xin ý kiến Lãnh đạo Bộ về lấy ý kiến rộng rãi dự thảo Thông tư.

6. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với dự thảo Thông tư tại văn bản số 5339/BNN-TCLN ngày 12/8/2022; đồng thời lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Lâm nghiệp; xin ý kiến của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính của Văn phòng Bộ.

Tính đến ngày 15/11/2022, Tổng cục Lâm nghiệp đã nhận được 67 ý kiến, trong đó có 04 Bộ gồm: Quốc phòng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Công an; Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ; 17 Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; 34 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 01 Chi cục Kiểm lâm; 02 Đơn vị thuộc Tổng cục Lâm nghiệp; 02 Tổ chức phi chính phủ, Dự án; 03 Hạt Kiểm lâm; 01 Hiệp hội gỗ và Lâm sản Bình Định; 01 cá nhân. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Tổng cục Lâm nghiệp đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình (Báo cáo số 2104/BC-TCLN-KL ngày 14/12/2022), chỉnh lý để hoàn thiện dự thảo Thông tư.

7. Ngày 14/11/2022, Tổng cục Lâm nghiệp có văn bản số 2111/TCLN-KL gửi Vụ Pháp chế đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Thông tư.

8. Ngày 16/12/2022, Vụ Pháp chế tổ chức thẩm định với các thành viên đại diện doanh nghiệp, hiệp hội gỗ và lâm sản; các cơ quan đơn vị chuyên môn một số địa phương, chuyên gia, nhà khoa học góp ý kiến cho dự thảo thông tư.

9. Ngày 21/12/2022, Vụ Pháp chế đã có văn bản số 1680/PC về việc thẩm định dự thảo Thông tư. Tổng cục Lâm nghiệp đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế tại Báo cáo số 2210/BC-TCLN-KL ngày 26/12/2022.

10. Ngày 26/12/2022, Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo xin ý kiến Thứ trưởng về dự thảo Thông tư.

Trên cơ sở ý kiến của Thứ trưởng, Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Tổng cục Lâm nghiệp đã giải trình, tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo Thông tư.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 06 Chương, 33 Điều và 01 Phụ lục gồm có 18 mẫu, giảm 12 Điều so với Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT. Trong đó:

a) Chương I. Quy định chung, gồm 05 điều (Điều 1 đến Điều 5), cụ thể: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh; Điều 2. Đối tượng áp dụng; Điều 3. Giải thích từ ngữ; Điều 4. Phương pháp xác định số lượng, khối lượng, trọng lượng lâm sản. Điều 5. Bảng kê lâm sản.

b) Chương II. Trình tự, thủ tục khai thác thực vật rừng thông thường, động vật rừng thông thường; gồm 2 mục 9 điều (Điều 6 đến Điều 14), cụ thể:

Mục 1. Phê duyệt phương án khai thác, gồm 2 điều: Điều 6. Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường; Điều 7. Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng từ tự nhiên.

Mục 2. Trình tự, thủ tục khai thác, gồm 7 điều: Điều 8. Khai thác tận dụng gỗ loài thông thường từ rừng tự nhiên; Điều 9. Khai thác tận thu gỗ loài thông thường từ rừng tự nhiên; Điều 10. Khai thác thực vật rừng ngoài gỗ đối với loài thông thường, bộ phận, dẫn xuất của thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên;

Điều 11. Khai thác rừng trồng loài thông thường do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu; khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường trong rừng phòng hộ là rừng trồng do tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư; Điều 12. Khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường trong rừng sản xuất là rừng trồng do tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư; cây trồng phân tán, cây vườn nhà có tên trùng với cây loài thông thường từ rừng tự nhiên; Điều 13. Thu thập mẫu vật thực vật rừng loài thông thường phục vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trong rừng đặc dụng; Điều 14. Khai thác động vật rừng thông thường, bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng thông thường từ tự nhiên.

c) Chương III. Hồ sơ lâm sản, gồm 3 mục, 7 điều (Điều 15 đến Điều 21), cụ thể:

Mục 1. Hồ sơ nguồn gốc lâm sản, gồm 3 điều: Điều 15. Hồ sơ nguồn gốc lâm sản sau khai thác; Điều 16. Hồ sơ nguồn gốc lâm sản nhập khẩu; Điều 17. Hồ sơ nguồn gốc lâm sản sau xử lý tịch thu

Mục 2. Hồ sơ lâm sản mua bán, chuyển giao quyền sở hữu, vận chuyển trong nước và xuất khẩu, gồm 2 điều: Điều 18. Hồ sơ lâm sản khi mua bán, chuyển giao quyền sở hữu, vận chuyển trong nước; Điều 19. Hồ sơ lâm sản khi xuất khẩu.

Mục 3. Hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh, cất giữ lâm sản; gây nuôi, chế biến mẫu vật các loài động vật rừng, gồm 2 điều: Điều 20. Hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, kinh doanh, cất giữ gỗ, thực vật rừng, động vật rừng, các loài thuộc Phụ lục CITES; Điều 21. Hồ sơ lâm sản tại cơ sở nuôi, trồng.

d) Chương IV. Đánh dấu mẫu vật, gồm 03 điều: Điều 22. Đối tượng đánh dấu; Điều 23. Hình thức, phương pháp đánh dấu mẫu vật; Điều 24. Thông tin và đăng ký nhãn đánh dấu.

đ) Chương V. Kiểm tra, truy xuất nguồn gốc lâm sản, gồm 7 điều: Điều 25. Đối tượng, hình thức kiểm tra; Điều 26. Nội dung kiểm tra; Điều 27. Nguyên tắc kiểm tra; Điều 28. Kiểm tra theo kế hoạch; Điều 29. Kiểm tra đột xuất; Điều 30. Thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra của lực lượng Kiểm lâm; Điều 31. Trình tự kiểm tra.

e) Chương VI. Tổ chức thực hiện, gồm 02 điều: Điều 32. Trách nhiệm thi hành; Điều 33. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung chính trong dự thảo Thông tư

a) Chương I. Quy định phạm vi điều chỉnh phù hợp với nội dung được giao trong Luật Lâm nghiệp. Giải thích từ ngữ và hướng dẫn phương pháp đo, tính thể tích, khối lượng, trọng lượng để áp dụng thống nhất trong quá trình thực hiện thông tư; quy định về bản kê lâm sản, đối tượng lập bảng kê lâm sản, thẩm quyền, hồ sơ, trình tự thủ tục xác nhận bảng kê lâm sản.

b) Chương II. Căn cứ điều kiện, đối tượng được phép khai thác trong Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, nội dung Thông tư quy định cụ thể về phương án, thẩm quyền phê duyệt hồ sơ, trình tự, thủ tục khai thác đối với thực vật rừng thông thường, động vật rừng thông thường.

c) Chương III. Quy định về hồ sơ cho từng giai đoạn của chuỗi cung ứng gỗ làm cơ sở để kiểm tra, truy xuất nguồn gốc theo quy định pháp luật.

d) Chương IV. Quy định đối tượng, hình thức, phương pháp, thông tin đánh dấu mẫu vật là các sản phẩm hoàn chỉnh được sản xuất, chế biến từ các loài động vật thuộc Nhóm IIB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; các loài thuộc Phụ lục II, III CITES; cá sấu khi mua bán, chuyển giao quyền sở hữu, vận chuyển.

đ) Chương V. Quy định cụ thể về đối tượng, hình thức, nguyên tắc và thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra, trình tự, nội dung kiểm tra để tạo hành lang

pháp lý giúp cơ quan Kiểm lâm kiểm tra, kiểm soát, truy xuất nguồn gốc lâm sản trong từng trường hợp cụ thể.

e) Chương VI. Quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân để tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả nội dung quy định trong Thông tư; thời điểm có hiệu lực thi hành của Thông tư thay thế Thông tư số 27; áp dụng pháp luật trong thời gian chuyển tiếp giữa hai Thông tư.

3. Những điểm mới trong dự thảo Thông tư

Các quy định trong dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT cơ bản giải quyết những tồn tại, vướng mắc, bất cập nêu trên, đồng thời phù hợp với các giải pháp quản lý lâm sản theo quy định và cam quốc tế, cụ thể như sau:

a) Sửa đổi một số khái niệm không phù hợp tại Điều 3 như: Khoản 2 (khái niệm gỗ tròn), khoản 3 (khái niệm gỗ xẻ), khoản 4 (khái niệm thực vật rừng ngoài gỗ). Bổ sung phương pháp, công thức tính gỗ tròn (khoản 1 Điều 4), gỗ xẻ (khoản 2, khoản 3 Điều 4); cây gỗ còn nguyên cành lá, gốc, rễ trong rừng (khoản 4 Điều 4) để tạo thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình áp dụng.

b) Bổ quy định đánh bắt buộc ghi số hiệu đối với gỗ rừng trồng có đường kính đầu nhỏ từ 06 cm trở lên, chiều dài từ 01 mét trở lên khi lập Bảng kê lâm sản, quy định mới tính ghi chung khi lập bảng kê lâm sản, đơn vị tính bằng mét khối hoặc tấn hoặc ster.

c) Bổ sung quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt Phê duyệt phương án khai thác: tận dụng, tận thu gỗ loài thông thường từ rừng tự nhiên; thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường từ rừng tự nhiên là rừng đặc dụng; thu thập mẫu vật thực vật rừng phục vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ từ rừng đặc dụng; khai thác gỗ rừng trồng do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu; khai thác gỗ rừng phòng hộ là rừng trồng do tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự đầu tư (tại Điều 6). Ngoài ra bổ sung hồ sơ khai thác đối với gỗ có tên trùng với cây gỗ rừng tự nhiên (tại Điều 12).

c) Về hồ sơ lâm sản:

- Bổ quy định về vận chuyển nội bộ (Điều 25 Thông tư số 27) để tránh lợi dụng vận chuyển lâm sản trái pháp luật trong tỉnh.

- Về quản lý loài rủi ro: Bổ sung đối tượng xác nhận bằng lâm sản tại điểm b, c khoản 3 Điều 5 dự thảo Thông tư, gồm: gỗ có nguồn gốc sau xử lý tịch thu; gỗ của loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, thuộc các Phụ lục CITES. Bổ sung quy định xác nhận lâm sản theo đề nghị của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xuất khẩu và xác minh truy xuất nguồn gốc lâm sản.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Nhóm I theo quy định tại Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT về phân loại doanh nghiệp không phải xác nhận bằng kê lâm sản.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ lâm sản từ hình thức truyền thống sang hình thức gắn Mã (QR) chứa thông tin về hồ sơ nguồn gốc lâm sản vào bằng kê lâm sản để đơn giản thủ tục khi thực hiện xác nhận bằng kê lâm sản, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho chủ lâm sản và các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra, truy xuất nguồn gốc lâm sản; hạn chế tối đa việc gian lận hồ sơ lâm sản, từng bước góp phần vào việc nâng cao hiệu quả của công tác quản lý bảo vệ rừng, chống khai thác gỗ trái pháp luật.

d) Quy định về đánh dấu mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm (động vật thuộc Nhóm IIB; Phụ lục II, III CITES, cá sấu) chỉ thực hiện đối với sản phẩm hoàn chỉnh nên sẽ tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí thời gian, nhân lực.

4. Đánh giá tăng giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT Thông tư 27 có 2 thủ tục hành chính (i) xác nhận bằng kê lâm sản (gồm cấp huyện, tỉnh) và (ii) Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường. Dự thảo thông tư sửa đổi bổ sung 2 thủ tục hành chính nêu trên trong đó:

Mở rộng 02 đối tượng xác nhận bằng kê lâm sản tại khoản 3 Điều 5, cụ thể: Gỗ sau xử lý tịch thu; Gỗ của loài thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc loài thuộc Phụ lục CITES.

Tăng 01 thủ tục hành chính (gồm cấp Bộ, Sở NN, UBND huyện) tại Điều 6: Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường.

5. Đánh giá sự phù hợp với Hiệp định VPA/FLEGT

Qua rà soát, Tổng cục Lâm nghiệp thấy rằng, bố cục và nội dung Thông tư đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định, cụ thể: Dự thảo thông tư quy định để quản lý đầy đủ theo chuỗi cung; hồ sơ lâm sản tương ứng với từng giai đoạn khai thác, nhập khẩu, vận chuyển, mua bán, chuyển giao quyền sở hữu, chế biến và xuất khẩu. Qua đó vừa tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện trách nhiệm giải trình, chứng minh nguồn gốc lâm sản hợp pháp, vừa đảm bảo thuận lợi trong công tác, quản lý truy xuất nguồn gốc lâm sản của cơ quan nhà nước; công khai, minh bạch và đáp ứng yêu cầu của Hiệp định.

V. CÁC VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Để đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đảm bảo tính khả thi, chặt chẽ,

thuận tiện trong triển khai thực hiện; Tổng cục Lâm nghiệp kính báo cáo và đề xuất xin ý kiến Thứ trưởng một số nội dung sau:

- a) Về toàn bộ nội dung, kết cấu của dự thảo Thông tư.
- b) Về phạm vi điều chỉnh: Không quy định về đánh dấu mẫu vật đối với những loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES vì việc gắn nhãn lâm sản, chip điện tử đối với các loài thủy sản là không phù hợp với thực tiễn.
- c) Quy định Mã (QR) phản hồi nhanh chứa đựng thông tin về hồ sơ nguồn gốc lâm sản kèm theo bảng kê khi đề nghị xác nhận hoặc vận chuyển, mua bán, chuyển giao quyền sở hữu để thay thế cho bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản là nội dung lần đầu tiên được áp dụng trong quản lý, sẽ từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa trong quản lý hồ sơ lâm sản, giảm thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi trong truy xuất nguồn gốc lâm sản.

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản, Tổng cục Lâm nghiệp kính trình Thứ trưởng Nguyễn Quốc Trị xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

- 1) Dự thảo Thông tư sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định;
- 2) Văn bản thẩm định của Vụ Pháp chế;
- 3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế;
- 4) Báo cáo tổng kết đánh giá thực hiện Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (kèm Biểu tổng hợp);
- 5) Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân và đối tượng chịu sự tác động của Thông tư;
- 6) Báo cáo đánh giá thủ tục hành chính của dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo)
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, KL.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Bùi Chính Nghĩa